

Bản án số: **193/2024/DS-ST**
Ngày: 16/7/2024.
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Tú.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Vũ Thị Hiệp.

2. Ông Trần Đức Nhì.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN X.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, Thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/7/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 263/2023/TLST-DS ngày 06/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-DS ngày 20/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-DS ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Số 81 Đường C, phường B, Quận 1, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: Số 103 Đường X, Phường 2, quận T, Thành phố H.

* **Người đại diện theo pháp luật:** Ông W – Chức vụ: Giám đốc.

* **Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Ngô Xuân D – Chức vụ: Giám sát Pháp chế và Tuân thủ.

* **Người đại diện theo ủy quyền lại:** Bà H, sinh năm 2000 - Chức vụ: Trợ lý pháp lý.

Địa chỉ liên hệ: Số 261 - 263 Đường P, Phường 2, quận N, Thành phố H.

- **Bị đơn:** Ông Phan Anh T – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 131/14 Đường M, Phường 9, QUẬN X, Thành phố H.

Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Phan Anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q thông qua người đại diện theo ủy quyền là bà H trình bày:***

Ngày 08/12/2015, ông Phan Anh T và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên F – gọi tắt là CÔNG TY F) có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10752504. Thông tin chi tiết của khoản vay như sau:

- Số tiền cho vay: 90.000.000đ; Mục đích: vay tiêu dùng; Ngày rút vốn là 08/12/2015; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất: 25%/năm; Lãi phạt: 150% của lãi suất.

- Nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 36 kỳ.

- Phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Tính đến ngày 05/08/2016, bị đơn đã thanh toán được số tiền 14.687.100đ nợ gốc và 16.585.300đ nợ lãi, tổng số tiền đã thanh toán là: 31.272.400đ.

Kể từ 05/09/2016 bị đơn không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào khác nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với CÔNG TY F.

- Ngày 09/9/2022, CÔNG TY F ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-CÔNG TY F với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q (gọi tắt là CÔNG TY Q). Theo thỏa thuận, CÔNG TY F đã chuyển nhượng cho CÔNG TY Q Hợp đồng tín dụng số 10752504 của bị đơn ông Phan Anh T. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, CÔNG TY Q có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Tính đến nay, dư nợ còn lại của bị đơn như sau: Nợ gốc: 75,312,900đ; Nợ lãi trong hạn tính từ ngày 05/09/2016 – 05/12/2018 là 43.932.525đ; Nợ lãi quá hạn tính từ ngày 05/01/2019 – 05/04/2024: Nợ gốc 75.312.900đ x 150% x (25%/12) x 64 kỳ = 150.625.800đ.

Lãi quá hạn sẽ tiếp tục được tính với lãi suất là 150% x (25%/12) = 3,13%/tháng theo như thỏa thuận giữa CÔNG TY F và bị đơn cho đến khi bị đơn hoàn tất nghĩa vụ trả nợ của mình.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên và cả thời gian sau khi khoản nợ của bị đơn đã được chuyển nhượng sang CÔNG TY Q, mặc dù CÔNG TY Q đã thông báo, đôn đốc, yêu cầu Bị đơn trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo cam kết đã ký tại Hợp đồng tín dụng, nhưng đến thời điểm hiện nay Bị đơn thể hiện việc thiếu hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc

thực hiện các nghĩa vụ.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông Phan Anh T phải thanh toán một lần cho CÔNG TY Q tổng số tiền là: **269.871.225đ** (Bằng chữ: **Hai trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng**), trong đó:

- Nợ gốc quá hạn: 75,312,900đ;
- Nợ lãi trong hạn: 43,932,525đ;
- Nợ lãi quá hạn : 150.625.800đ.

Ông Phan Anh T phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn với lãi suất 3,13%/tháng cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

** Bị đơn là ông Phan Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập nên không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;

- *Về nội dung:*

Căn cứ Điều 26; Điều 35, Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 17, Điều 19 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN, ngày 17/7/2015 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Phan Anh T thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 16/7/2024 với tổng số tiền còn nợ là: 277.794.770 đồng, trong đó: Nợ gốc: 75.312.900 đồng; Nợ lãi trong hạn: 43.932.525 đồng; Nợ lãi quá hạn: 158.549.345 đồng và tiền lãi quá hạn được quy định theo Hợp đồng tín

dụng cá nhân số 10752504 ngày 08/12/2015 kể từ ngày 17/7/2024 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 131/14 Đường M, Phường 9, QUẬN X, Thành phố H. Do đó, vụ án thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN X theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn là ông Phan Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Ngày 08/12/2015, ông Phan Anh T và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên F – gọi tắt là CÔNG TY F) có ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10752504. Thông tin chi tiết của khoản vay như sau: Số tiền cho vay: 90.000.000đ; Mục đích: vay tiêu dùng; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất: 25%/năm; Lãi phạt: 150% của lãi suất; Nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 36 kỳ; Phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Ông Phan Anh T đã được giải ngân đầy đủ vào ngày 08/12/2015.

Tính đến ngày 05/08/2016, ông Phan Anh T đã thanh toán được số tiền 14.687.100đ nợ gốc và 16.585.300đ nợ lãi, tổng số tiền đã thanh toán là: 31.272.400đ.

Tuy nhiên, từ ngày 05/9/2016 đến nay ông Phan Anh T không thanh toán nợ cho CÔNG TY F theo thỏa thuận là vi phạm Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10752504 ngày 08/12/2015.

Xét Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-CÔNG TY F giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên F và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q ngày 09/9/2022 về việc chuyển giao cho Công ty Trách nhiệm

hữu hạn Mua bán nợ Q thu hồi nợ của hợp đồng tín dụng số 10752504 ngày 08/12/2015 là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 365 của Bộ luật dân sự 2015. Do đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q yêu cầu ông Phan Anh T phải thanh toán toàn bộ số tiền dư nợ 277.794.770 đồng, trong đó: Nợ gốc: 75.312.900 đồng; Nợ lãi trong hạn: 43.932.525 đồng; Nợ lãi quá hạn: 158.549.345 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày 17/7/2024, ông Phan Anh T còn phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 10752504 ngày 08/12/2015 cho đến khi thanh toán xong số tiền dư nợ nêu trên.

[3.] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Anh T phải chịu án phí dân sự là 13.889.739 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q số tiền tạm ứng án phí 6.623.418 đồng theo biên lai thu số 0038521 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X, Thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3, khoản 11 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 122, Điều 123, Điều 463, 466, 468, 620 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 17, Điều 19 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN, ngày 17/7/2015 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q: Buộc ông Phan Anh T phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q tổng số tiền là **277.794.770 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi tư ngàn bảy trăm bảy mươi đồng)**, trong đó: Nợ gốc: 75.312.900 đồng; Nợ lãi trong hạn: 43.932.525 đồng; Nợ lãi quá hạn: 158.549.345 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 17/7/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Phan Anh T còn phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q số tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 10752504 ngày 08/12/2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Anh T phải chịu án phí dân sự là **13.889.739 đồng (Mười ba triệu tám trăm tám mươi chín ngàn bảy trăm ba mươi chín đồng).**

Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q số tiền tạm ứng án phí 6.623.418 đồng theo biên lai thu số 0038521 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X, Thành phố H.

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Q, ông Phan Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố H (01);
- VKSND QUẬN X (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự QUẬN X (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú

